

Số: 751 /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Bùi Văn Hữu

Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần ô tô TMT xin trân trọng thông báo:

Ngày 30/10/2024 Công ty cổ phần ô tô TMT công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2024 và giải trình kết quả sản xuất kinh doanh quý III năm 2024.

Thông tin này đã được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 30/10/2024: <https://tmt-vietnam.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Q3.2024

- Giải trình kết quả SXKD Q3.2024

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2024*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>	<b>4– 30</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6-7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8-9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-30

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập của Công ty cho kỳ hoạt động Quý 1 năm 2024 kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Ông Mai Tiến	Ủy viên;
Ông Bùi Tiến Đạt	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

#### **BAN LÃNH ĐẠO VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Trưởng phòng Tài chính kế toán

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)**

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**TM Ban Lãnh đạo**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
  


**Bùi Văn Hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>781,802,396,090</b>	<b>1,637,453,976,026</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>18,169,611,180</b>	<b>28,898,799,083</b>
Tiền	111		18,169,611,180	13,292,949,869
Các khoản tương đương tiền	112		-	15,605,849,214
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>13,628,027,031</b>	<b>3,989,210,761</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	2a	1,073,530	1,073,530
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	2a	(456,730)	(497,830)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b	13,627,410,231	3,988,635,061
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145,668,270,343</b>	<b>206,835,351,912</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	44,535,490,611	73,943,929,424
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48,056,320,741	32,881,278,318
Phải thu ngắn hạn khác	136	4	59,054,468,476	103,025,745,657
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(5,978,009,485)	(3,015,601,487)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>594,762,892,819</b>	<b>1,392,004,710,414</b>
Hàng tồn kho	141	6	614,166,735,809	1,407,510,084,631
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19,403,842,991)	(15,505,374,217)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9,573,594,717</b>	<b>5,725,903,856</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2,596,502,528	4,133,691,830
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,584,019,420	1,486,991,790
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		393,072,769	105,220,236
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>501,817,168,256</b>	<b>532,298,313,979</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>255,000,000</b>	<b>110,000,000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		255,000,000	110,000,000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>7</b>	<b>294,305,791,361</b>	<b>302,191,211,998</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		241,839,734,211	249,449,909,631
- Nguyên giá	222		495,516,904,170	488,999,587,884
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253,677,169,959)	(239,549,678,253)
Tài sản cố định vô hình	227	8	52,466,057,150	52,741,302,367
- Nguyên giá	228		53,473,945,000	53,473,945,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,007,887,850)	(732,642,633)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1,791,595,287</b>	<b>17,323,172,299</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1,791,595,287	17,323,172,299
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>205,464,781,608</b>	<b>212,673,929,682</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	84,718,655,181	81,008,568,840
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Lợi thế thương mại	269		120,746,126,427	131,665,360,842
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,283,619,564,346</b>	<b>2,169,752,290,005</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,037,881,217,255</b>	<b>1,732,299,209,263</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>984,262,540,481</b>	<b>1,545,478,563,247</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	133,305,459,594	165,424,028,543
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	33,137,092,255	56,329,048,847
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		49,933,003,512	32,363,220,936
Phải trả người lao động	314		2,168,258,830	5,295,187,893
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5,597,472,202	5,470,186,999
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	312,903,695,771	17,581,610,477
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	446,624,096,040	1,262,181,884,275
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		593,462,277	833,395,277
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>53,618,676,774</b>	<b>186,820,646,016</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	3	-	62,277,382,757
Phải trả dài hạn khác	337	15	35,950,000,000	111,868,529,848
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	13,693,765,327	9,481,607,827
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		3,974,911,447	3,193,125,584
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>245,738,347,091</b>	<b>437,453,080,742</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>245,738,347,091</b>	<b>437,453,080,742</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	372,876,800,000	372,876,800,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>372,876,800,000</i>	<i>372,876,800,000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		360,727,500	360,727,500
Vốn khác của chủ sở hữu	414		483,226,387	483,226,387
Cổ phiếu quỹ	415		(8,680,989,647)	(8,680,989,647)
Quỹ đầu tư phát triển	418		17,289,479,810	17,289,479,810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138,940,284,668)	52,722,987,223
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>52,722,987,223</i>	<i>49,869,074,214</i>
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>(191,663,271,891)</i>	<i>2,853,913,009</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,349,387,709	2,400,849,469
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,283,619,564,346</b>	<b>2,169,752,290,005</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thùy Dung

TP. Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT




Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Từ 01 tháng 01 năm 2024 đến 30 tháng 09 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến	Từ 01/01/2023 đến
			30/09/2024	30/09/2023
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>1</b>	<b>1,688,030,776,528</b>	<b>1,991,051,323,857</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	12,872,112,805	17,432,348,956
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1,675,158,663,723</b>	<b>1,973,618,974,901</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>1,707,192,253,310</b>	<b>1,785,160,913,934</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(32,033,589,587)</b>	<b>188,458,060,967</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	4,289,126,486	4,618,711,787
Chi phí tài chính	22	5	61,399,003,357	119,690,483,812
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		57,554,178,523	19,360,569,331
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	8	51,572,875,998	44,791,992,067
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8	52,455,738,183	38,815,052,502
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(193,172,080,639)</b>	<b>(10,220,755,627)</b>
Thu nhập khác	31	6	2,627,909,953	15,724,998,275
Chi phí khác	32	7	440,032,417	618,583,818
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2,187,877,536</b>	<b>15,106,414,457</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(190,984,203,103)</b>	<b>4,885,658,830</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	2,437,959,843
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		769,139,066	1,130,234,460
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(191,753,342,169)</b>	<b>1,317,464,527</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(191,663,271,891)	1,701,696,159
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(90,070,278)	(384,231,632)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(5,197)</b>	<b>46</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>		<b>(5,197)</b>	<b>46</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

TP. Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Bùi Văn Hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III.2024**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế	
				Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	355,958,166,281	446,356,973,230	1,688,030,776,528	1,991,051,323,857
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.02	3,797,306,398	444,388,367	12,872,112,805	17,432,348,956
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>352,160,859,883</b>	<b>445,912,584,863</b>	<b>1,675,158,663,723</b>	<b>1,973,618,974,901</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	V.03	393,846,483,864	386,771,864,342	1,707,192,253,310	1,785,160,913,934
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>(41,685,623,981)</b>	<b>59,140,720,521</b>	<b>(32,033,589,587)</b>	<b>188,458,060,967</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	2,289,497,605	562,435,969	4,289,126,486	4,618,711,787
7	Chi phí tài chính	22	V.05	12,160,277,440	39,756,539,040	61,399,003,357	119,690,483,812
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,691,062,883	38,236,728,026	57,554,178,523	19,360,569,331
9	Chi phí bán hàng	25	V.06	22,681,548,615	11,330,299,755	51,572,875,998	44,791,992,067
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	18,369,760,863	9,251,072,156	52,455,738,183	38,815,052,502
11	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(92,607,713,294)</b>	<b>(634,754,461)</b>	<b>(193,172,080,639)</b>	<b>(10,220,755,627)</b>
12	Thu nhập khác	31		389,752,780	1,207,001,758	2,627,909,953	15,724,998,275
13	Chi phí khác	32		305,252,190	402,301,849	440,032,417	618,583,818
14	Lợi nhuận khác	40		84,500,590	804,699,909	2,187,877,536	15,106,414,457
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(92,523,212,704)</b>	<b>169,945,448</b>	<b>(190,984,203,103)</b>	<b>4,885,658,830</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.07	-	28,854,200	-	2,437,959,843
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		259,005,971	-	769,139,066	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>(92,782,218,675)</b>	<b>141,091,248</b>	<b>(191,753,342,169)</b>	<b>2,447,698,987</b>
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(92,731,683,046)	341,670,920	(191,663,271,891)	1,701,696,159
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(50,553,629)	(200,579,672)	(90,070,278)	(384,231,632)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2,515)	9	(5,197)	46

Người lập biểu

*(Signature)*

Nguyễn Thị Thùy Dung

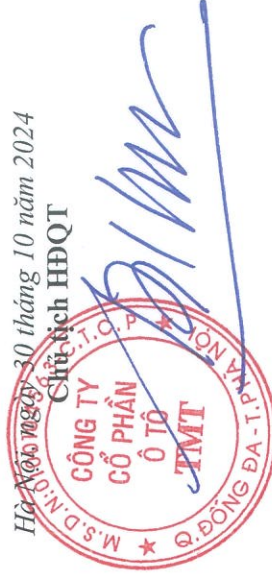
TP.Tai chính kế toán

*(Signature)*

Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chữ tích HĐQT



Bùi Văn Hữu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến	Từ 01/01/2023 đến
			30/09/2024	30/09/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(190,984,203,103)	4,776,886,839
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14,409,241,614	9,421,526,795
Các khoản dự phòng	03		6,860,835,672	(45,135,878,769)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1,191,269,982	(2,041,747,985)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(497,076,189)	(1,007,898,117)
Chi phí lãi vay	06		57,554,178,523	79,845,848,577
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(111,465,753,501)</b>	<b>45,863,737,340</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63,594,027,823	344,952,085,812
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		793,343,348,822	768,274,058,454
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		152,905,853,320	(1,431,699,933,362)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,172,897,039)	3,953,270,156
Tiền lãi vay đã trả	14		(59,146,123,062)	(78,513,934,517)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20,634,953,916)	(9,303,017,087)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(239,933,000)	(413,718,960)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>816,183,569,447</b>	<b>(356,887,452,164)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,517,316,286)	(15,422,283,716)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92,592,592	92,592,592
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9,638,775,170)	(33,602,076,977)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		414,355,822	3,242,659,466
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15,649,143,042)</b>	<b>(45,689,108,635)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		781,798,184,369	1,995,386,673,898
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,593,143,815,104)	(1,571,657,778,012)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(811,345,630,735)</b>	<b>423,728,895,886</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(10,811,204,330)</b>	<b>21,152,335,087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	28,898,799,083	30,089,221,341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		82,016,427	45,585,621
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	18,169,611,180	51,287,142,049

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

TP. Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Bùi Văn Hữu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	Thôn Quang Trung, xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty CP Cơ khí XD và Tư vấn thiết kế 30-4	Thôn Giao Tự, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**06. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**07. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

#### **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ.

Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

#### ***Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:***

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VNĐ

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2024	01/01/2024
Tiền mặt	5,918,213,163	1,627,110,199
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12,251,398,017	11,665,839,670
Các khoản tương đương tiền	-	15,605,849,214
<b>Cộng</b>	<b>18,169,611,180</b>	<b>28,898,799,083</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính***a. Chứng khoán kinh doanh*

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bru điện	679,000	444,000	(235,000)	679,000	408,000	(271,000)
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394,530	172,800	(221,730)	394,530	167,700	(226,830)
<b>Cộng</b>	<b>1,073,530</b>	<b>616,800</b>	<b>(456,730)</b>	<b>1,073,530</b>	<b>575,700</b>	<b>(497,830)</b>

*b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13,627,410,231</b>	<b>13,627,410,231</b>	<b>3,988,635,061</b>	<b>3,988,635,061</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn	13,627,410,231	13,627,410,231	3,988,635,061	3,988,635,061
<b>Cộng</b>	<b>13,627,410,231</b>	<b>13,627,410,231</b>	<b>3,988,635,061</b>	<b>3,988,635,061</b>

(\*): Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 5.3% năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**03. Phải thu của khách hàng**

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>44,535,490,611</b>	<b>(1,745,097,940)</b>	<b>73,943,929,424</b>	<b>(1,670,533,124)</b>
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và dịch vụ số 8	3,807,874,431	-	7,208,943,078	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	-	-	48,727,930,608	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	40,727,616,180	(1,745,097,940)	18,007,055,738	(1.670.533.124)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>44,535,490,611</b>	<b>(1,745,097,940)</b>	<b>73,943,929,424</b>	<b>(1,670,533,124)</b>

**04. Phải thu khác**

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>59,054,468,476</b>	<b>(4,222,411,545)</b>	<b>103,025,745,657</b>	<b>(1,334,568,363)</b>
- Tạm ứng Công nhân viên	36,199,857,558	-	15,782,748,220	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,411,300,000	-	78,500,000	-
- Các khoản phải thu khác	19,443,310,918	(4,222,411,545)	87,164,497,437	(1.334.568.363)
<b>Dài hạn</b>	<b>255,000,000</b>	<b>-</b>	<b>110,000,000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	255,000,000	-	110,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>59,309,468,476</b>	<b>(4,222,411,545)</b>	<b>103,135,745,657</b>	<b>(1,334,568,363)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**05. Nợ xấu**

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy Cơ khí 120	500,000,000	-	500,000,000	-
- DNTN Thịnh Hưng	602,975,940	-	602,975,940	-
Công ty TNHH Thông Nhất	252,612,725	-	252,612,725	-
- Các đối tượng khác	4,622,420,820	-	252,612,725	-
<b>Cộng</b>	<b>5,978,009,485</b>	<b>-</b>	<b>3,015,601,487</b>	<b>-</b>

**06. Hàng tồn kho**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	53,017,454,145	-	42,350,456	-
Nguyên liệu, vật liệu	29,525,417,623	-	139,477,476,855	-
Công cụ, dụng cụ	11,651,294	-	128,020,457	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	111,373,148,780	-	81,312,988,216	-
Thành phẩm	159,867,995,059	(14,162,415,057)	563,387,538,969	(10,183,181,093)
Hàng hóa	119,147,436,406	(499,745,711)	246,907,860,758	(947,897,571)
Hàng gửi bán	141,223,632,502	(4,741,682,222)	376,253,848,920	(4,374,295,553)
<b>Cộng</b>	<b>614,166,735,809</b>	<b>(19,403,842,991)</b>	<b>1,407,510,084,631</b>	<b>(15,505,374,217)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2024	270,154,602,745	174,134,664,788	33,364,762,790	6,997,975,833	4,347,581,728	488,999,587,884
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4,250,879,800	2,507,386,852	617,977,348	-	-	7.376.244.000
- Giảm khác	-	-	(858,927,714)	-	-	(858.927.714)
30/09/2024	274,405,482,545	176,642,051,640	33,123,812,424	6,997,975,833	4,347,581,728	495,516,904,170
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
1/1/2024	(106,226,600,183)	(100,719,181,625)	(24,231,125,576)	(4,025,189,141)	(4,347,581,728)	(239,549,678,253)
- Khấu hao trong năm	(4,427,239,639)	(7,110,597,900)	(1,967,970,636)	(628,188,222)	-	(14.133.996.397)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	6,504,691	-	-	6.504.691
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
30/09/2024	(110,653,839,822)	(107,829,779,525)	(26,192,591,521)	(4,653,377,363)	(4,347,581,728)	(253,677,169,959)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2024	163,928,002,562	73,415,483,163	9,133,637,214	2,972,786,692	-	249,449,909,631
30/09/2024	163,751,642,723	68,812,272,115	6,931,220,903	2,344,598,470	-	241,839,734,211

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	50,420,000,000	3,053,945,000	53,473,945,000
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-
30/09/2024	<u>50,420,000,000</u>	<u>3,053,945,000</u>	<u>53,473,945,000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2024	-	(732,642,633)	(732,642,633)
- Khấu hao trong năm	-	(275,245,217)	(275.245.217)
30/09/2024	<u>-</u>	<u>(1,007,887,850)</u>	<u>(1,007,887,850)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	<u>50,420,000,000</u>	<u>2,321,302,367</u>	<u>52,741,302,367</u>
30/09/2024	<u>50,420,000,000</u>	<u>2,046,057,150</u>	<u>52,466,057,150</u>

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38 phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30/09/2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 165.939.000 đồng.

Tại ngày 30/09/2024, nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay lần lượt là 50,420,000,000 đồng và 50,420,000,000 đồng.

**09. Chi phí trả trước**

	30/09/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>	<u>2,596,502,528</u>	<u>4,133,691,830</u>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	146,666,667	351,984,864
- Chi phí thuê xe và sửa chữa	-	(1,823,473)
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,449,835,861	3,783,530,439
<b>Dài hạn</b>	<u>84,718,655,181</u>	<u>81,008,568,840</u>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	483,910,119	2,461,919,388
- Chi phí sửa chữa	1,210,366,707	2,185,729,680
- Chi phí đền bù san lấp mặt bằng	8,480,281,983	8,718,603,117
- Chi phí thuê văn phòng	34,399,038,006	33,061,247,459
- Chi phí thuê vị trí đặt biển	899,999,982	1,022,727,258
- Chi phí khác	39,245,058,384	33,558,341,938
<b>Cộng</b>	<u>87,315,157,709</u>	<u>85,142,260,670</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nội dung	30/09/2024			01/01/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Trong năm		Giảm
				Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	446,624,096,040	446,624,096,040	777,586,026,869	1,593,143,815,104	1,262,181,884,275	
- Vay ngân hàng	438,693,870,540	438,693,870,540	683,088,984,319	1,472,914,200,435	1,228,519,086,656	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	175,366,817,501	175,366,817,501	240,866,536,292	565,235,379,647	499,735,660,856	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam - Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội (2)	225,015,704,082	225,015,704,082	365,327,276,599	582,821,238,609	442,509,666,092	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (3)	15,325,775,184	15,325,775,184	15,325,775,184	155,184,258,893	155,184,298,893	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội (4)	-	-	700,000,000	12,890,249,064	12,190,249,064	
+ Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	11,847,845,354	11,847,845,354	
+ Ngân hàng Quốc tế VIB	22,985,573,773	22,985,573,773	60,869,396,244	102,143,829,220	64,260,006,749	
+ Ngân hàng ngoại thương Việt Nam	-	-	-	42,791,359,648	42,791,359,648	
<b>Vay đối tượng khác</b>	<b>7,930,225,500</b>	<b>7,930,225,500</b>	<b>90,259,200,050</b>	<b>109,438,293,669</b>	<b>19,179,093,619</b>	
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4,237,842,500	10,791,321,000	14,483,704,000	
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam - Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội (5)	7,897,062,500	7,897,062,500	4,237,842,500	10,691,820,000	14,351,040,000	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (6)	33,163,000	33,163,000	-	99,501,000	132,664,000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>13,693,765,327</b>	<b>13,693,765,327</b>	<b>8,450,000,000</b>	<b>4,237,842,500</b>	<b>9,481,607,827</b>
- Ngân hàng TMCP Việt Nam					
- Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội (5)	5,243,765,327	5,243,765,327	-	4,237,842,500	9,481,607,827
- Vay đối tượng khác	8,450,000,000	8,450,000,000	8,450,000,000		
<b>Cộng</b>	<b>460.317.861.367</b>	<b>460,317,861,367</b>	<b>786,036,026,869</b>	<b>1,597,381,657,604</b>	<b>1,271,663,492,102</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024/134960/HĐTĐ ngày 24/04/2024 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 500 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2023/HĐHM/VPB-TMT ngày 03/11/2023 để tài trợ vốn lưu động (cho vay, phát hành LC bảo lãnh) phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh xe ô tô tải (xe lắp ráp và xe nhập khẩu nguyên chiếc), nhập khẩu xe đầu kéo, xe trộn, xe bồn nguyên chiếc, ô tô điện với hạn mức tín dụng 1.200 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong năm từ 8,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, bất động sản tại thửa đất số 24 + 27 tờ bản đồ số 15 tại thôn Thổ Khối, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, bất động sản tại thửa đất số 22b tờ bản đồ số 15 tại Hạng Phúc, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, bất động sản tại thửa đất số 22(1) tờ bản đồ số 15 tại thôn Thổ Khối, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, hàng hóa là xe ô tô và hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty, các số tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 246/2023/HĐHMTD/PVBHBT-TMT ngày 11/07/2023 để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô với hạn mức tín dụng: 700 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay trong năm 6,5%-9,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa, hàng tồn kho được hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng, tài sản bổ sung của Công ty, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất lắp ráp xe tải hạng trung- hạng nặng tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 09, xã Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên và thửa đất số 255, tờ bản đồ số 6 xã Trung Trác, Văn Lâm, Hưng Yên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1754/22MB/HĐTD ký ngày 01/08/2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô và phát hành LC với hạn mức tín dụng là: 250 tỷ, thời hạn cấp hạn mức là 36 tháng, lãi suất vay trong năm 4,65% - 7,1%. Khoản vay được bảo đảm bằng thành phẩm xe ô tô, hàng hoá xe nhập khẩu nguyên chiếc, hàng hoá tồn kho là xe lắp ráp thành phẩm.
- (5) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- + Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh". Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 10,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT; Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.
  - + Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Coninco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm.
  - + Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 năm, lãi suất 10%/năm được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (6) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2021/134960/HĐTD ngày 19/11/2021 với số tiền vay là 398.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư mua sắm mới phương tiện vận tải là xe ô tô phục vụ đi lại, sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/134960/HĐBB ngày 19/11/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán**

	30/9/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>133,305,459,594</b>	<b>133,305,459,594</b>	<b>165,424,028,543</b>	<b>165,424,028,543</b>
- Sinotruck Import & Exprt Co.,Ltd	57,423,603,563	57,423,603,563	7,000,269,776	7,000,269,776
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	5,327,511,847	5,327,511,847	5,258,603,044	5,258,603,044
- Tata motor company limited	378,694,679	378,694,679	13,536,715,133	13,536,715,133
- Dongfeng Automobile co., Ltd	11,579,802,916	11,579,802,916	22,427,738,106	22,427,738,106
- Hubei Tri-ring special Vehicle co.,Ltd	5,828,232,872	5,828,232,872	5,750,491,689	5,750,491,689
- Các đối tượng khác	52,767,613,717	52,767,613,717	111,450,210,795	111,450,210,795
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	<b>62,277,382,757</b>	<b>62,277,382,757</b>
<b>Cộng</b>	<b>133,305,459,594</b>	<b>133,305,459,594</b>	<b>227,701,411,300</b>	<b>227,701,411,300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>33,137,092,255</b>	<b>56,329,048,847</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8	497,949,996	16,547,739,244
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	-	-
- Công ty TNHH ô tô KMT	761,764,377	1,994,521,398
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	31,877,377,882	37,786,788,205
<b>Cộng</b>	<b><u>33,137,092,255</u></b>	<b><u>56,329,048,847</u></b>

**14. Chi phí phải trả**

	<u>30/09/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5,597,472,202</b>	<b>5,470,186,999</b>
- Chi phí lãi vay	669,209,814	2,261,154,353
- Chi phí vận chuyển	3,935,732,384	721,009,917
- Chi phí trích trước lương tháng 13	-	1,800,000,000
- Chi phí I.C	644,062,302	47,081,995
- Chi phí tư vấn bán hàng	-	-
- Trích trước chi phí sản xuất	-	-
- Chi phí phải trả khác	348,467,702	640,940,734
<b>Cộng</b>	<b><u>5,597,472,202</u></b>	<b><u>5,470,186,999</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/09/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>312,903,695,771</b>	<b>17,581,610,477</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	39,251,514	39,251,514
- Kinh phí công đoàn	536,441,342	6,483,594,794
- Bảo hiểm xã hội	107,505,687	426,902,994
- Bảo hiểm y tế	9,631,044	158,138,276
- Phải trả về cổ phần hóa	-	10,400,000
- Bảo hiểm thất nghiệp	4,068,464	45,730,864
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	312,206,797,720	10,417,592,035
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8	-	1,193,924,373
+ Các đối tượng khác	312,206,797,720	9,223,667,662
<b>Dài hạn</b>	<b>35,950,000,000</b>	<b>111,868,529,848</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35,950,000,000	37,250,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	74,618,529,848
<b>Cộng</b>	<b>348,853,695,771</b>	<b>129,450,140,325</b>

0.  
IG  
PI  
1  
M  
ĐA

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**16. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/09/2024	Tỷ lệ (%)	01/01/2024	Tỷ lệ (%)
+ Ông Bùi Văn Hữu	123,057,040,000	33	123,057,040,000	33
+ Các đối tượng khác	249,819,760,000	67	249,819,760,000	67
<b>Cộng</b>	<b>372,876,800,000</b>	<b>100</b>	<b>372,876,800,000</b>	<b>100</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/09/2024	01/01/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372,876,800,000	372,876,800,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**c. Cổ phiếu**

	30/09/2024	01/01/2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37,287,680	37,287,680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37,287,680	37,287,680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37,287,680	37,287,680
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409,700	409,700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409,700	409,700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36,877,980	36,877,980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36,877,980	36,877,980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	599,182,224,750	686,736,316,279
Doanh thu bán thành phẩm	1,087,274,245,234	1,301,373,255,799
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,574,306,544	2,941,751,779
<b>Cộng</b>	<b>1,688,030,776,528</b>	<b>1,991,051,323,857</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
+ Hàng bán trả lại	3,778,703,703	17,239,646,446
+ Chiết khấu thương mại	9,093,409,102	192,702,510
<b>Cộng</b>	<b>12,872,112,805</b>	<b>17,432,348,956</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
- Giá vốn bán hàng hóa	597,957,271,856	650,520,455,189
- Giá vốn bán thành phẩm	1,079,108,250,358	1,131,992,882,144
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,126,731,097	2,647,576,601
		-
<b>Cộng</b>	<b>1,679,192,253,311</b>	<b>1,785,160,913,934</b>
		-

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	414,355,822	4,475,205,986
- Lãi chênh lệch tỷ giá	3,874,729,564	143,505,801
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	41,100	
<b>Cộng</b>	<b>4,289,126,486</b>	<b>4,618,711,787</b>

**5. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023</b>
- Chi phí lãi vay	57,554,178,523	117,133,198,583
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,844,824,834	2,557,381,229
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư		(96,000)
- Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>61,399,003,357</b>	<b>119,690,483,812</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>52,455,738,183</b>	<b>38,815,052,502</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	17,311,321,437	18,549,049,780
- Chi phí vật liệu quản lý	82,987,729	51,580,874
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2,126,188,536	1,981,429,690
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2,883,025,906	2,361,147,516
- Chi phí dự phòng	-	0
- Thuế, phí và lệ phí	3,645,928,362	2,398,937,805
- Lợi thế thương mại phân bổ	10,809,870,633	1,436,333,028
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,389,396,469	10,479,384,553
- Chi phí bằng tiền khác	4,207,019,111	1,557,189,256
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>51,572,875,998</b>	<b>44,791,992,067</b>
- Chi phí nhân viên	11,646,121,528	13,645,539,502
- Chi phí vật liệu, bao bì	667,130,093	69,482,241
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	161,970,107	74,808,207
- Chi phí khấu hao TSCĐ	485,540,885	346,675,411
- Chi phí bảo hành	1,219,894,467	3,019,825,723
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25,966,808,888	17,418,317,442
- Chi phí bằng tiền khác	11,425,410,035	10,217,343,541
	<b>104,028,614,181</b>	<b>83,607,044,569</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2,437,959,843
	<b>-</b>	<b>2,437,959,843</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dung

TP. Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch HĐQT

Bùi Văn Hữu